

TỰ ĐÁNH GIÁ KHẢ NĂNG HỌC TIẾNG ANH CỦA HỌC SINH Ở MỘT SỐ TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ CÔNG LẬP QUẬN 6, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

VƯƠNG VĂN CHO*

TÓM TẮT

Việc đổi mới và cải cách giáo dục ở nước ta nhằm đạt tới mục tiêu nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục, nhất là việc dạy và học ngoại ngữ. Thế nhưng, thực tế cho thấy hiệu quả của việc giảng dạy tiếng Anh vẫn còn hạn chế. Do đó, việc nghiên cứu tự đánh giá khả năng học tiếng Anh của học sinh ở một số trường trung học cơ sở công lập quận 6 Thành phố Hồ Chí Minh là một hoạt động cần thiết để giúp giáo viên cải tiến phương pháp giảng dạy của mình.

Từ khóa: tự đánh giá của học sinh, năng lực học tiếng Anh, Trung học cơ sở công lập.

ABSTRACT

Students' self-assessment ability to learn English at some public junior high schools in District 6 Ho Chi Minh City

Educational innovation and improvement in our country aims at achieving higher quality and efficiency in teaching and learning, especially, foreign languages teaching and learning. However, the reality shows that the effectiveness of English teaching is still limited. Therefore, studying students' self-assessment ability to learn English at some public junior high schools in District 6 Ho Chi Minh City is an essential activity to help teachers improve their ways of teaching.

Keywords: students' self-assessment, learning English ability, Public junior high schools.

1. Dẫn nhập

Tư tưởng chỉ đạo của chiến lược phát triển giáo dục trong giai đoạn 2001-2010 ở nước ta là khắc phục tình trạng bất cập trên nhiều lĩnh vực, tiếp tục đổi mới một cách có hệ thống và đồng bộ, tạo cơ sở để nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục, phục vụ đắc lực sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa (CNH – HĐH), đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững, sánh vai cùng các nước phát triển

trong khu vực và thế giới. [2]

Từ tư tưởng chỉ đạo nêu trên, trong phần đổi mới mục tiêu, nội dung, chương trình giáo dục, chiến lược phát triển trong giai đoạn 2001-2010, có nhấn mạnh là phải chú trọng trang bị và nâng cao kiến thức tin học, ngoại ngữ cho học sinh (HS). Dạy ngoại ngữ trên diện rộng từ lớp 6, HS được học ổn định và liên tục ít nhất một ngoại ngữ để khi tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) thì có thể sử dụng được. [2]

Với cơ sở nêu trên, chúng ta thấy rằng Đảng đã có quan điểm chỉ đạo rõ

* Học viên Cao học Khóa 16,
Trường ĐHSPTP HCM

ràng đối với việc học ngoại ngữ, trong đó tiếng Anh được học ngay từ những lớp đầu trung học cơ sở (THCS). Do vậy, việc nghiên cứu tự đánh giá khả năng học tiếng Anh của HS một số trường trung học cơ sở công lập quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh (TPHCM) là cần thiết để các giáo viên, nhà quản lý giáo dục các cấp quan tâm đổi mới cách dạy và học, nhằm khắc phục tình trạng bất cập mà báo chí đã nêu trên diễn đàn dư luận về tình trạng có những người học ngoại ngữ 10 năm nhưng vẫn không sử dụng được. [5]

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Phương pháp điều tra bằng phiếu thăm dò

Xây dựng phiếu trưng cầu ý kiến dựa trên cơ sở lý luận, mục đích nghiên cứu. Trong đó gồm các bảng câu hỏi:

- Dành cho HS ở một số trường THCS công lập (CL) quận 6, TPHCM.

Phương pháp này được tiến hành qua việc thu thập thông tin bằng “phiếu

thăm dò ý kiến” đối với một số HS ở các trường THCS CL như: Bình Tây, Nguyễn Đức Cảnh, Đoàn kết, Phú Định, Nguyễn Văn Luông, Lam Sơn, Hậu Giang, Phạm Đình Hồ. Số phiếu phát ra cho HS là 490, số phiếu thu về là 484.

2.2. Phương pháp toán thống kê

Dùng phương pháp toán thống kê để phân tích và xử lý số liệu, nhằm định lượng kết quả nghiên cứu, dựa trên phần mềm SPSS for Win, phiên bản 11.5.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Khách thể nghiên cứu

Tổng cộng: 484 học sinh

- Giới tính: nam: 225; nữ: 259

- Tuổi: 14: 308; 15: 168; 16: 7; 17: 1

- Trường THCS: Phú Định: 78; Nguyễn Đức Cảnh: 50; Nguyễn Văn Luông: 90; Bình Tây: 49; Hậu Giang: 52; Lam Sơn: 38; Đoàn Kết: 45; Phạm Đình Hồ: 82.

3.2. Kết quả khảo sát

Bảng 1. Lý do thích học môn tiếng Anh của HS

| Nội dung | N | % |
|---|-----|------|
| Không ghi | 118 | 24,4 |
| 1. GV dạy dễ hiểu vui vẻ | 27 | 5,6 |
| 2. Sách có nhiều hình ảnh minh họa đẹp | 2 | 0,4 |
| 3. Khả năng giao tiếp bị ràng buộc | 1 | 0,2 |
| 4. Bài hiểu thì thích, bài không hiểu thì không thích | 212 | 43,8 |
| 5. Giúp biết nhiều ngôn ngữ | 6 | 1,2 |
| 6. Được biết nhiều nơi trên thế giới | 9 | 1,9 |
| 7. Giúp ích cho tương lai | 26 | 5,4 |
| 8. Chủ đề chưa hấp dẫn | 2 | 0,4 |
| 9. Giáo trình phù hợp | 21 | 4,3 |
| 10. Để giao tiếp với người nước ngoài | 60 | 12,4 |

Bảng 1 thể hiện thái độ học tập bộ môn của HS khá rõ ràng. “Bài hiểu thì thích, bài không hiểu thì không thích” chiếm tỉ lệ 43,8%, cho thấy cần phải tìm hiểu thêm về cách dạy của giáo viên bộ môn (GVBM), kể cả về nội dung, chương trình, sách giáo khoa (SGK). Đối với GV, cho dù GV dạy dễ hiểu, vui vẻ cũng chưa đủ hấp dẫn HS (5,6%); ở nội dung 2, 5, 6, 8, 9 chưa đạt tới 10%, điều này cho thấy cần có sự đầu tư, nghiên cứu về nội dung, chương trình, SGK để ngày càng phù hợp hơn. Ngay cả ở nội dung 9 trong bảng khảo sát về “giáo trình phù hợp”, chỉ có 4,3% HS đồng ý, chứng tỏ rằng các em thực sự chưa yêu thích giáo trình hiện nay. Số HS không ghi chiếm tỉ lệ cao, cho thấy các em không quan tâm đến việc học tiếng Anh. Hiện tượng này xảy ra có thể do nhiều nguyên nhân; trong đó không loại trừ nguyên nhân do các em

học kém hoặc nhàm chán, khó tiếp thu với tiếng nước ngoài. Điều đáng mừng là nhu cầu giao tiếp với người nước ngoài được các em quan tâm đáng kể do nhu cầu thực tế và xu thế hội nhập trong thời đại ngày nay, chỉ tiếc là tỉ lệ này còn quá ít (12,4%). Với lí do ham thích “vì giúp ích cho tương lai” cũng chỉ ở mức độ thấp, chứng tỏ nhận thức học tập bộ môn của các em còn chưa sâu sắc. Bảng 1 cho thấy động cơ học tập bộ môn tiếng Anh của các em chưa thật rõ nét. Những lí do mang tính tích cực như ở nội dung 5, 6, 7, 10 chưa được các em chấp nhận. Điều đó chứng tỏ cách dạy của giáo viên bộ môn (GVBM), nội dung, chương trình, SGK và cách học tiếng Anh của các em còn nhiều bất cập, cần có các công trình nghiên cứu chuyên sâu hơn để tìm ra giải pháp thích hợp.

Bảng 2. Tự đánh giá của HS về khả năng học tiếng Anh

Trung bình = 3

| Nội dung | TB | ĐL TC | THỨ BẬC |
|---|------|-------|---------|
| Em có nghe được một số câu tiếng Anh đơn giản không? | 3,19 | 0,83 | 2 |
| Em có nói được một số câu tiếng Anh đơn giản không? | 3,22 | 0,81 | 1 |
| Em có viết được một số câu tiếng Anh đơn giản không? | 3,12 | 0,86 | 3 |
| Em có hiểu được nội dung môn tiếng Anh lớp 9 không? | 2,65 | 0,86 | 4 |
| Em có tự làm được các bài tập tiếng Anh lớp 9 ở lớp và ở nhà không? | 2,57 | 0,81 | 5 |

Bảng 2 cho thấy khả năng học tiếng Anh của các em thể hiện ở kĩ năng nghe, nói, viết một số câu tiếng Anh đơn giản đạt mức trên trung bình, nhưng đó chỉ là trình độ sơ cấp; khả năng hiểu và tự làm được các bài tập tiếng Anh ở lớp và ở nhà còn thấp so với mức trung bình thể hiện hiệu quả học tiếng Anh chưa cao. Mục tiêu của chương trình tiếng Anh ở bậc THCS do Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) đề ra nhằm giúp các em có thể

nghe, nói, đọc, viết, hiểu và sử dụng được một số kĩ năng cơ bản, nắm bắt thông tin phục vụ các mục đích trong đời sống hàng ngày sau khi học xong chương trình tiếng Anh lớp 9. Từ mục tiêu đó, đối chiếu với kết quả khảo sát, cho thấy các em chỉ mới đạt trên trung bình ở kĩ năng nghe, nói, viết một số câu tiếng Anh đơn giản nhưng chưa đạt trung bình ở kĩ năng hiểu cũng như năng lực tự làm được các bài tập tiếng Anh ở lớp và ở nhà.

Bảng 3. Đánh giá của HS về kỹ năng/kiến thức tiếng Anh được thầy/cô giảng dạy

Trung bình = 2,5

(Không bao giờ: 0; Hiếm khi: 1; Khá thường xuyên: 2; Thường xuyên: 3; Trung bình số lần trong 1 năm: TB)

| Loại hình kiểm tra | | 0 | 1 | 2 | 3 | TB | Thứ bậc |
|-------------------------|---|-----|------|------|------|------|---------|
| Bài đọc (Reading) | N | 10 | 41 | 138 | 295 | 5,91 | 5 |
| | % | 2,1 | 8,5 | 28,5 | 61,0 | | |
| Viết câu (Writing) | N | 4 | 43 | 112 | 325 | 6,88 | 2 |
| | % | 0,8 | 8,9 | 23,1 | 67,1 | | |
| Nghe (Listening) | N | 13 | 137 | 133 | 201 | 4,62 | 7 |
| | % | 2,7 | 28,3 | 27,5 | 41,5 | | |
| Nói (Speaking) | N | 24 | 109 | 137 | 214 | 5,43 | 6 |
| | % | 5,0 | 22,5 | 28,3 | 44,2 | | |
| Phát âm (Pronunciation) | N | 14 | 96 | 138 | 236 | 6,21 | 4 |
| | % | 2,9 | 19,8 | 28,5 | 48,8 | | |
| Từ vựng (Vocabulary) | N | 6 | 28 | 129 | 321 | 7,76 | 1 |
| | % | 1,2 | 5,8 | 26,7 | 66,3 | | |
| Ngữ pháp (Grammar) | N | 9 | 36 | 111 | 328 | 6,76 | 3 |
| | % | 1,9 | 7,4 | 22,9 | 67,8 | | |

Bảng 3 thể hiện loại hình kiểm tra của thầy cô thiên về ngữ pháp, từ vựng, đọc, viết nhiều hơn là nghe, nói, phát âm. Số lần trung bình kiểm tra trong một năm được các GV sử dụng thể hiện qua bảng thống kê cũng cho thấy việc đánh giá của GVBM phần lớn dựa vào kỹ năng viết của HS. Kết quả khảo sát phản ánh việc kiểm tra đánh giá kỹ năng và kiến thức tiếng Anh của HS từ phía GV hiện nay là trung thực. Các bài kiểm tra học kì do Phòng GD&ĐT ra đề cũng thường chú trọng phần kỹ năng đọc hiểu, viết câu, từ vựng, ngữ pháp nhiều hơn là kỹ năng nghe, nói, phát âm. Trên cơ sở này, GV cũng tập trung rèn luyện cho HS theo

hướng ra đề của Phòng GD&ĐT với phương châm là “thi sao học vậy”. Loại hình kiểm tra kỹ năng nghe xuất hiện ở cột “không bao giờ” và “hiếm khi” chiếm tỉ lệ trên 30%. Kế đến là kỹ năng nói cũng ít được kiểm tra (27,5%), gần giống như kỹ năng nghe. Vì vậy, qua thực tế cho thấy các em thường bị hạn chế về các kỹ năng này khi các em tiếp tục học lên bậc THPT và kể cả đại học (ĐH). Việc phát âm cũng thế, đối với GV thì việc phát âm chuẩn đã là vấn đề khó khăn, nên đối với HS, việc kiểm tra kỹ năng này còn phức tạp hơn nhiều. Do đó, lỗi phát âm của GV cũng là nguyên nhân dẫn đến việc HS phát âm chưa chuẩn.

Bảng 4. Đánh giá của HS về kỹ năng/kiến thức tiếng Anh được thầy/cô kiểm tra

Trung bình = 2,5

(Không bao giờ: 0; hiếm khi: 1; khá thường xuyên: 2; thường xuyên: 3; trung bình số lần trong 1 năm: TB)

| Loại hình kiểm tra | | 0 | 1 | 2 | 3 | TB | Thứ bậc |
|-------------------------|---|------|------|------|------|------|---------|
| | N | 38 | 135 | 146 | 165 | | |
| Bài đọc (Reading) | % | 7,9 | 27,9 | 30,2 | 34,1 | 3,63 | 5 |
| Viết câu (Writing) | N | 10 | 45 | 126 | 303 | 4,61 | 3 |
| | % | 2,1 | 9,3 | 26,0 | 62,6 | | |
| Nghe (Listening) | N | 42 | 197 | 117 | 128 | 3,22 | 7 |
| | % | 8,7 | 40,7 | 24,2 | 26,4 | | |
| Nói (Speaking) | N | 51 | 146 | 132 | 155 | 3,32 | 6 |
| | % | 10,5 | 30,2 | 27,3 | 32,0 | | |
| Phát âm (Pronunciation) | N | 25 | 129 | 133 | 197 | 4,12 | 4 |
| | % | 5,2 | 26,7 | 27,5 | 40,7 | | |
| Từ vựng (Vocabulary) | N | 11 | 47 | 123 | 303 | 5,20 | 1 |
| | % | 2,3 | 9,7 | 25,4 | 62,6 | | |
| Ngữ pháp (Grammar) | N | 8 | 50 | 105 | 321 | 5,20 | 1 |
| | % | 1,7 | 10,3 | 21,7 | 66,3 | | |

So sánh bảng 3 và bảng 4, chúng ta thấy HS tự đánh giá về kỹ năng và kiến thức tiếng Anh của mình cũng phù hợp với loại hình kiểm tra đánh giá của thầy cô; tỉ lệ kiểm tra thường xuyên và số lần trung bình kiểm tra trong một năm đều có sự trùng hợp khá thuyết phục. Điều đó cho thấy cách dạy và học tiếng Anh hiện nay còn thiên nhiều về lí thuyết, chú trọng về kỹ năng viết nên phần lớn dựa

vào kiểm tra từ vựng, ngữ pháp mà thiếu phần thực hành giao tiếp. Các loại hình kiểm tra trong các trường phổ thông còn mang tính học thuật, mà ngoại ngữ là môn học đặc trưng cần thực hành để ứng dụng vào sinh hoạt hàng ngày; do vậy, việc đánh giá về kỹ năng, kiến thức tiếng Anh của HS bằng các loại hình kiểm tra (như khảo sát hiện nay) cần xem xét lại để đưa ra giải pháp tốt hơn.

Bảng 5. Tự đánh giá của HS về mức độ kỹ năng tiếng Anh các em đã đạt được

| Kỹ năng tiếng Anh | Mức độ | | |
|-------------------|--------|-------|---------|
| | TB | ĐL TC | Thứ bậc |
| 1. Đọc hiểu | 2,64 | 0,80 | 1 |
| 2. Viết | 2,64 | 0,79 | 1 |
| 3. Nghe | 2,26 | 0,76 | 4 |
| 4. Nói | 2,53 | 0,82 | 3 |

Bảng 5 cho thấy, kỹ năng đọc hiểu và viết cũng chiếm ưu thế so với kỹ năng nghe, nói nếu xét về mức trung bình và thứ bậc; trong đó, kỹ năng nghe ở mức thấp nhất. Điều đó chứng tỏ việc rèn luyện 2 kỹ năng này đã trở thành thói quen của cả GV và HS. Các em tự đánh giá về mức độ kỹ năng tiếng Anh đã đạt được phản ánh qua bảng thống kê rất đúng với hiện trạng về cách dạy và học tiếng Anh hiện nay. Qua cách kiểm tra của GV được khảo sát ở bảng 4 và bảng 5 cho chúng ta thấy được hệ quả của việc rèn luyện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh của HS nặng về đọc hiểu và viết. Kết quả đạt được chưa giúp các em có thể sử dụng tiếng Anh trong việc giao tiếp với người nước ngoài.

4. Kết luận

Việc tự đánh giá khả năng học tiếng Anh của HS ở một số trường THCS CL ở quận 6, TP. HCM cho thấy việc giảng dạy

tiếng Anh vẫn còn nhiều bất cập, cần nghiên cứu để có biện pháp cải thiện tốt hơn. Cách dạy và cách học tiếng Anh hiện nay còn thiên nhiều về học thuật, chú trọng nhiều về kỹ năng viết và đọc nên phần lớn dựa vào kiểm tra từ vựng, ngữ pháp mà thiếu phần thực hành giao tiếp. Mức độ kỹ năng tiếng Anh mà các em đạt được chưa giúp các em sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp với người nước ngoài. Vì thế, đa phần HS chưa sử dụng được tiếng Anh như một ngoại ngữ để giao tiếp phục vụ nhu cầu theo mục tiêu của Bộ GD&ĐT đề ra. Những hạn chế, bất cập nêu trên do các nguyên nhân chủ quan và khách quan; trong đó, nguyên nhân chủ yếu là chưa quan tâm đúng mức đến nội dung giáo trình, cách kiểm tra đánh giá và việc tạo điều kiện cho người học tiếp cận với GV bản ngữ trong quá trình học tiếng Anh của học sinh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2000), *Điều lệ trường trung học*, Ban hành theo quyết định số 23/2000/QĐ – Bộ GD & ĐT ngày 11-7-2000 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.
2. Chính phủ (2001), *Chiến lược phát triển giáo dục 2001–2010*, (Ban hành theo Quyết định số 201/2001/QĐ – TTg ngày 28-12-2001 của Thủ tướng Chính phủ).
3. Đỗ Hạnh Nga, Vũ Thị Phương Anh (2006), *Khảo sát phương pháp kiểm tra đánh giá môn tiếng Anh lớp 6 ở các trường THCS tại TPHCM*.
4. Nguyễn Thị Hạnh (2003), *Phương pháp dạy học ngoại ngữ bằng phương tiện*, Sáng kiến kinh nghiệm, Trường Cao đẳng Sư phạm Bình Dương.
5. Thùy Ngân, Chu Ngọc Minh (2004), “Ngoại ngữ trong nhà trường: Vì sao học 10 năm vẫn không nói được?”, *Báo Thanh niên*, (301).

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 06-6-2011; ngày chấp nhận đăng: 06-9-2011)